

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2021/DS-PT  
Ngày 30 tháng 3 năm 2021  
V/v “ Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

***- Th phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Việt Tiến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang;  
Ông Nguyễn Kim Ái.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ:*** Ông Nguyễn Tiến Sỹ- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLPT- DS ngày 11/01/2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXX-PT ngày 25/12/2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1943; Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Bà Nguyễn Bích Tp, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 529, Khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Bá V- Sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

**Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Bá V:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 ; Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Lê Thị Th, sinh năm 1947; Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

**Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Th:** Bà Nguyễn Bích Tp, sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu Tân Th, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

- Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

*Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Bá V là bị đơn và anh Nguyễn Minh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Quang Đ trình bày:* Ông khởi kiện ông Nguyễn Bá V là em trai ông để đòi diện tích đất ao 274m<sup>2</sup> tại thửa số 184, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Nay là Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ). Nguồn gốc diện tích đất này trước năm 1959 do bố mẹ ông là ông Nguyễn Bá D (chết năm 2009 và mẹ là bà Phùng Thị Tg chết năm 1989) khai hoang chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1959 diện tích đất này được sát nhập vào Hợp tác xã theo chủ trương của Nhà nước. Đến năm 1986 Hợp tác xã giao lại đất này cho ông và được ghi chép tại sổ mục kê, trong bản đồ giải thửa 299 và ông là người đã nộp thuế nhiều năm (đến năm 2000). Quá trình sử dụng ông đã đào ao để thả cá và sử dụng ổn định nhiều năm.

Năm 1990 do em trai ruột ông là ông Nguyễn Bá V có nhu cầu nuôi cá để cải thiện cuộc sống nên ông đã cho ông V mượn để tiếp tục nuôi cá. Năm 2009 ông yêu cầu ông V trả lại diện tích đất ao trên thì ông V không trả. Năm 2014 ông V đổ đất vào một phần ao sau đó xây rào xung quanh nhưng ông không đồng ý. Nay ông khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông V thu hoạch cá, tháo dỡ bờ rào để trả lại diện tích đất ao 274m<sup>2</sup> cho ông. Ông không yêu cầu ông V phải bồi thường tiền khai thác lợi ích trong thời gian ông V sử dụng.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Bá V là chị Nguyễn Thị H trình bày:* Diện tích đất ao 274m<sup>2</sup> tại thửa số 184, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Nay là Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ) có nguồn gốc đất là của bố mẹ ông Đáp, ông V (Cụ Nguyễn Bá D - đã chết năm 2009 và bà Phùng Thị Tg - đã chết năm 1989) khai hoang chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có tên trong sổ mục kê, tờ bản đồ 299 (Không có giấy tờ gì). Khi cụ D, cụ Tg còn sống, cụ D, cụ Tg sử dụng thửa đất trên. Đến năm 1996, cụ D tuyên bố bằng miệng là cho ông V. Từ đó đến nay ông V sử dụng ổn định, đào ao thả cá và xây bờ rào, ông Đ không ý kiến gì. Từ năm 2014 đến nay ông Đ đòi diện tích đất trên ông V không đồng ý. Nay nếu ông V phải trả lại diện tích đất trên cho ông Đ, đề nghị ông Đ phải bồi thường giá trị bờ rào theo giá của Hội đồng định giá (không biết giá) cho ông V, chị H, anh T phân bằng nhau, trên diện tích đất không có cây cối H màu gì.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Th là bà Nguyễn Bích Tp trình bày:* Diện tích đất ao 274m<sup>2</sup> tại thửa số 184, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là tài sản của ông Đ đã được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ giao cho ông Đ sử dụng từ những năm 1986. Khoảng năm 1990 ông Nguyễn Quang Đ có cho ông Nguyễn Bá V mượn. Đến nay bà Th yêu cầu ông V

trả lại. Đối với yêu cầu bồi thường phân bờ rào xung quanh ao, bà Th không đồng ý.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T đều trình bày:* Diện tích đất ao 274m<sup>2</sup> tại thửa số 184, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là tài sản của ông V, chị H, anh T chỉ đóng góp vào việc xây bờ rào ao, ngoài ra không đóng góp gì. Nay chị H, anh T đề nghị: Nếu ông V phải trả lại diện tích đất trên cho ông Đ, đề nghị ông Đ phải bồi thường giá trị bờ rào theo giá của Hội đồng định giá (không biết giá) cho ông V, chị H và anh T phân bằng nhau.

*Người làm chứng bà Nguyễn Thị N là em gái của ông Đ và ông V trình bày:* Diện tích đất ao 274m<sup>2</sup> tại thửa số 184, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ có nguồn gốc trước đây là tài sản do ông Nguyễn Bá D và bà Phùng Thị Tg khai hoang, sử dụng nhưng chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó đã sát nhập vào Hợp tác xã, sau này Nhà nước cấp cho ông Đ là người được quyền sử dụng. Hiện tại, thửa đất trên ông V đang sử dụng do ông Đ cho ông V mượn. Nay quan điểm của bà là ông V phải trả lại cho ông Đ diện tích đất trên, bà không đề nghị hưởng lợi gì từ diện tích đất trên vì đây không phải tài sản do bố mẹ tôi chết để lại.

*Bà Nguyễn Thị Nh là em gái của ông Đ và ông V trình bày:* Nguồn gốc đất là của cụ D, cụ Tg khai hoang, hai cụ đã cho ông V nên việc khởi kiện của ông Đ đòi lại thửa đất là sai, hai cụ cho ông V chứ không phải ông Đ.

*UBND xã X cung cấp:* Diện tích đất ao 274m<sup>2</sup> tại thửa số 184, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, qua kiểm tra hồ sơ địa chính xác định diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Quang Đ thể hiện trong sổ mục kê hiện đang lưu trữ tại địa phương. Ông Đ đã nộp thuế từ năm 1993 cho đến năm 2000 khi Nhà nước có chủ trương miễn thuế nông nghiệp. Tại hồ sơ địa chính không có tài liệu gì chứng minh nguồn gốc đất là của bố mẹ ông Đ và ông V là ông Nguyễn Bá D và bà Phùng Thị Tg. Về nguồn gốc của diện tích đất này là do trước đây Hợp tác xã giao cho ông Đ sử dụng từ trước năm 1996, địa phương đến nay không lưu giữ được tài liệu chứng cứ gì. Quá trình sử dụng ông Đ và ông V có đôi cho mượn... như thế nào ông Đ và ông V không báo với chính quyền địa phương. Hiện ông Đ có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với diện tích đất 197m<sup>2</sup> tiếp giáp tỉnh lộ 322 là diện tích đất nằm phía trước diện tích đất 274m<sup>2</sup> và diện tích đất 159m<sup>2</sup> nằm tiếp giáp phía sau diện tích đất 274m<sup>2</sup> thuộc quỹ đất của UBND xã quản lý chưa giao cho ai được quyền sử dụng.

*Phòng tài nguyên môi trường thuộc UBND huyện Đ ông Nguyễn Hùng L - trưởng phòng cung cấp:* Diện tích đất ao 274m<sup>2</sup> tại thửa số 184, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, được nhà nước giao cho ông Nguyễn Quang Đ sử dụng theo Nghị định 64-CP năm 1993. Ông Đ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất 197m<sup>2</sup> tiếp giáp tỉnh lộ

322 là diện tích đất nằm phía trước diện tích đất 274m<sup>2</sup> và diện tích đất 159m<sup>2</sup> nằm tiếp giáp phía sau diện tích đất 274m<sup>2</sup> thuộc quyền quản lý của Nhà nước và chưa giao cho tổ chức cá nhân nào sử dụng. Thực tế hiện ông V đang sử dụng nhưng không nằm trong hồ sơ địa chính.

Tại bản án số 08/2020/DS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a,c khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 149, Điều 158, khoản 1 Điều 166, Điều 189 của Bộ luật dân sự. Điều 202, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai. Điểm d khoản Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, miễn nộp án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang Đ đối với ông Nguyễn Bá V.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Bá V phải trả cho ông Nguyễn Quang Đ diện tích đất ao 274m<sup>2</sup>, tại thửa số 184, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Nay là Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ) có mốc giới: Phía Đông có chiều sâu 12,70m (điểm 10- điểm 13) tiếp giáp đất ông Tm; Phía Tây có chiều sâu 11,20m (điểm 11- điểm 12) tiếp giáp đất ông Tm; Phía Nam có chiều rộng 25,50m (điểm 10- điểm 11) tiếp giáp đất ông V; Phía Bắc có chiều rộng 21,30m (điểm 12- điểm 13) tiếp giáp phần đất ao hiện ông V đang sử dụng (có sơ đồ kèm theo).

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Bá V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị H phải tháo dỡ 7,60m bờ tường rào bằng cột bê tông răng lược B40 và thu hoạch cá trên diện tích đất ao 274m<sup>2</sup>.

2. Về nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên đất.

Ông Nguyễn Quang Đ không phải bồi thường giá trị tài sản là 7,60m bờ tường rào cột bê tông răng lược B40 cho bị đơn ông Nguyễn Bá V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị H.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Quang Đ và ông Nguyễn Bá V không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 28/8/2020 anh Nguyễn Minh T kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm. Lý do: Ngày 28/8/2020 Tòa án xét xử nhưng vắng mặt anh T là vi phạm khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ; công nhận 274m<sup>2</sup> đất ao thửa 184, tờ bản đồ số 21A tại thôn 4 xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là di sản của cụ Nguyễn Bá D và cụ Phùng Thị Tg, chia di sản này cho các đồng thừa kế theo pháp luật.

Ngày 28/8/2020 ông Nguyễn Bá V kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Lý do: Nguồn gốc đất là của cụ D, cụ Tg được ông Đ thừa nhận, được UBND xã thừa nhận. Năm 1996 cụ D đã tuyên bố cho ông, quá trình sử dụng ông và anh T,

chị H đã phát cỏ, đổ đất bờ ao thả cá, xây dựng bờ rào... Việc ông Đ đòi lại làm ảnh hưởng lớn đến gia đình và gây thiệt hại vì ông đã bỏ tiền, công sức để cải tạo, xây dựng bờ rào, thả cá. Vì vậy không đồng ý với yêu cầu của ông Đ.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Anh T giữ nguyên nội dung kháng cáo; chị H đại diện theo ủy quyền của ông V giữ nguyên nội dung kháng cáo của ông V.

Chị H, anh T đều trình bày, đất là của cụ D, cụ Tg, năm 1996 cụ D đã tuyên bố cho ông V. Tuy không có văn bản nhưng đều có mặt các con của cụ D, cụ Tg là ông V, ông Đáp, bà N, bà Nh chứng kiến. Về hồ sơ, giấy tờ pháp lý thừa đất thì không có gì nhưng thực tế đây là tài sản của cụ D, cụ Tg để lại.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông V, anh T vì không có cơ sở; đất là của ông Đ, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Kháng cáo trong hạn luật định, hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với kháng cáo của anh T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi xét xử vắng mặt anh. Xét thấy: Ngày 20/7/2020 Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐST-DS (BL 82,83). Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã ấn định rõ thời gian mở phiên tòa vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 14/8/2020, địa điểm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Hồi 14 giờ 10 phút cùng ngày 20/7/2020 Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử trên cho chị Nguyễn Thị H – là đại diện theo ủy quyền của ông V (BL 84). Tại biên bản giao quyết định đưa vụ án ra xét xử này chị H cam kết giao lại cho ông V và anh T. Tuy nhiên tại phiên tòa ngày 14/8/2020 ông V, anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật (vắng mặt lần thứ nhất). Cùng ngày 14/8/2020 Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo số 04/2020/TB-HNGĐ mở lại phiên tòa vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 28/8/2020 (BL 87). Thông báo trên được tổng đạt cho chị Nguyễn Thị H vào hồi 14 giờ 10 phút cùng ngày 14/8/2020; Chị H nhận và cam kết giao lại cho ông V,

anh T. Như vậy, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không vì trở ngại khách quan hoặc do sự kiện bất khả kháng nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật, nên kháng cáo của anh T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo của anh T đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ, công nhận 274m<sup>2</sup> đất ao thửa 184, tờ bản đồ số 21A tại thôn 4 xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là di sản của cụ Nguyễn Bá D và cụ Phùng Thị Tg, chia di sản này cho các đồng thừa kế theo pháp luật; Yêu cầu kháng cáo của ông V không đồng ý bản án tuyên trả lại thửa đất cho ông Đ. Xét thấy: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ báo cáo của UBND xã N, UBND huyện Đ cùng các tài liệu, chứng cứ về địa chính do UBND xã, huyện cung cấp cho thấy thửa đất trên trước đây là do cụ D, cụ Tg khai phá nhưng sau đó đất này đã được sát nhập vào Hợp tác xã nông nghiệp theo chủ trương của Nhà nước. HTX nông nghiệp đã giao lại cho ông Đ sử dụng; ông Đ đã sử dụng đóng thuế cho nhà nước đầy đủ, thửa đất có số ô, số thửa tại bản đồ 299, tên người sử dụng là ông Đ được xác định trong sổ mục kê. Như vậy, thửa đất không phải là tài sản của cụ D, cụ Tg mà là của ông Đ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của ông Đ đòi lại thửa đất là đúng, nên kháng cáo của ông V của anh T về việc bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ không có cơ sở chấp nhận. Do thửa đất không phải là tài sản của cụ D, cụ Tg nên không phải là di sản của hai cụ để lại; Mặt khác, trong vụ án này chỉ có nguyên đơn là ông Đ khởi kiện đòi lại thửa đất số 184, tờ bản đồ số 21A, diện tích 274m<sup>2</sup> (đất ao). Bị đơn ông V không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập chia thừa kế nên Tòa án chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, kháng cáo của anh T về việc xác định thửa đất là di sản của cụ D, cụ Tg và chia thừa kế theo pháp luật không có cơ sở chấp nhận và không trong phạm vi giải quyết của cấp sơ thẩm, phúc thẩm.

[3] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Minh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên!.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[1] Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Minh T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a,c khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 149, Điều 158, khoản 1 Điều 166, Điều 189 của Bộ luật dân sự. Điều 202, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai. Điểm d khoản Điều 12 Nghị quyết số 326/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, miễn nộp án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang Đ đối với ông Nguyễn Bá V.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Bá V phải trả cho ông Nguyễn Quang Đ diện tích đất ao 274m<sup>2</sup>, tại thửa số 184, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Nay là Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ) có mốc giới: Phía Đông có chiều sâu 12,70m (điểm 10- điểm 13) tiếp giáp đất ông Tm; Phía Tây có chiều sâu 11,20m (điểm 11- điểm 12) tiếp giáp đất ông Tm; Phía Nam có chiều rộng 25,50m (điểm 10- điểm 11) tiếp giáp đất ông V; Phía Bắc có chiều rộng 21,30m (điểm 12- điểm 13) tiếp giáp phần đất ao hiện ông V đang sử dụng (có sơ đồ kèm theo).

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Bá V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị H phải tháo dỡ 7,60m bờ tường rào bằng cột bê tông rỗng lưới B40 và thu hoạch cá trên diện tích đất ao 274m<sup>2</sup>, tại thửa số 184, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Nay là Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ).

Về nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên đất: Ông Nguyễn Quang Đ không phải bồi thường giá trị tài sản là 7.60m bờ tường rào cột bê tông rỗng lưới B40 cho bị đơn ông Nguyễn Bá V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị H.

[2] Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001888 ngày 24/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Bá V.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS Đ;
- TAND H. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Nguyễn Việt Tiến**